CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Thủy điện Thác Mơ

Ngày 15/01/2024	72,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	24.8%	**38.5%**	**40.1%**

DT thuần
Q4/23
219
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.00| -3.8%
YoY: ▼50.0| -18.5%

LN thuần
Q4/23
112
tỷ VNĐ
QoQ: ▼27.0| -19.2%
YoY: ▼65.0| -36.6%

LN sau thuế
Q4/23
94.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.7| -18.7%
YoY: ▼50.7| -35.0%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
66.8%
YoY: +/-▼ 2.6%

ROE
2023
29.5%
YoY: +/-▼ 7.6%

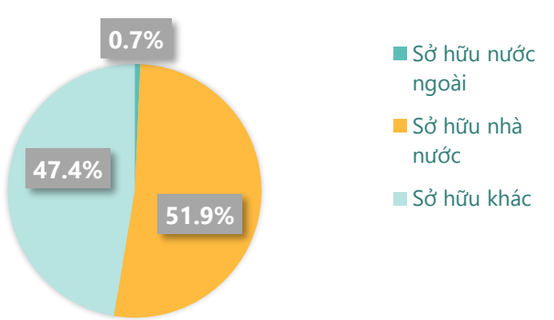
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	42,159 - 68,095
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,040
Số lượng CPLH (CP)	70,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,605
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.33
EPS	6,299
P/E	10.8

DT thuần
2023
854
tỷ VNĐ
YoY: ▼216| -20.2%

LN thuần
2023
535
tỷ VNĐ
YoY: ▼168| -23.9%

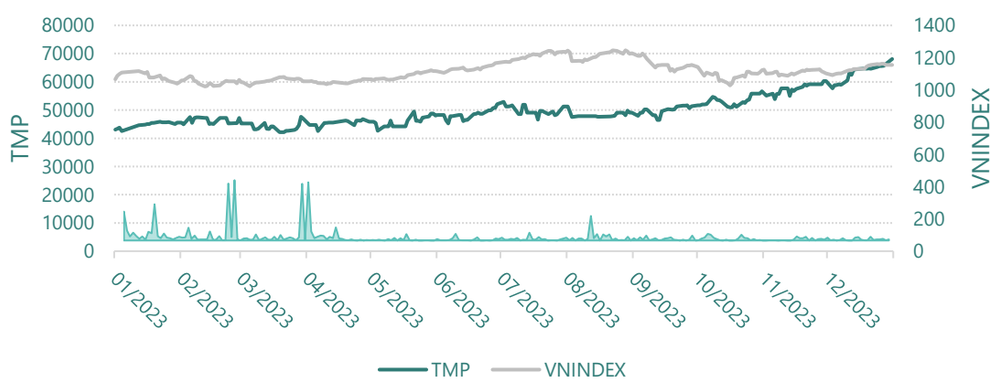
LN sau thuế
2023
446
tỷ VNĐ
YoY: ▼134| -23.1%

Cơ cấu sở hữu

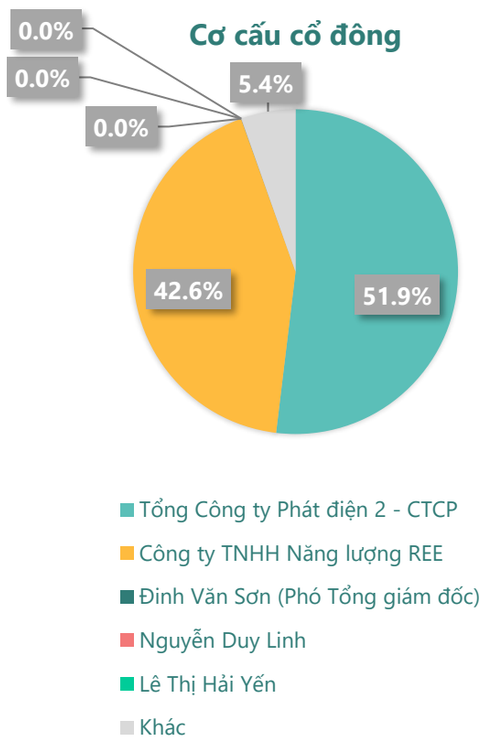


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



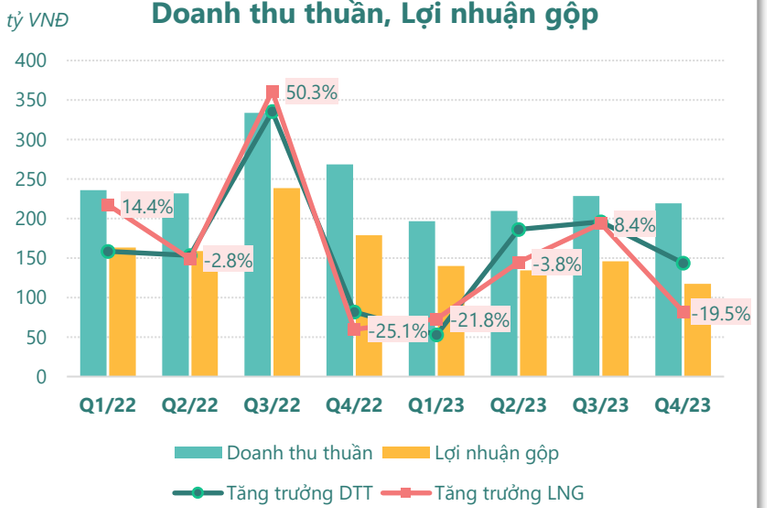
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

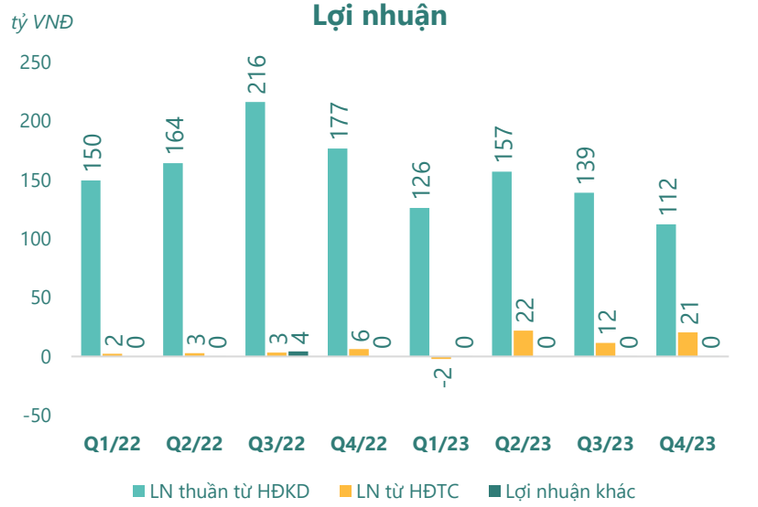
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



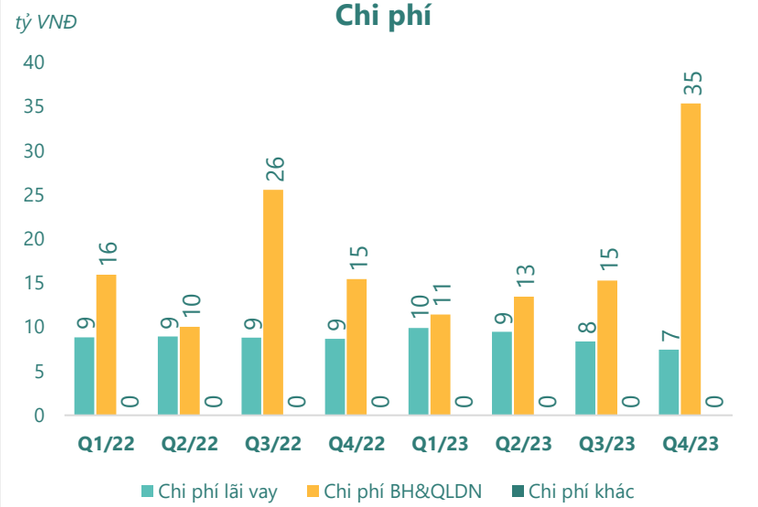
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



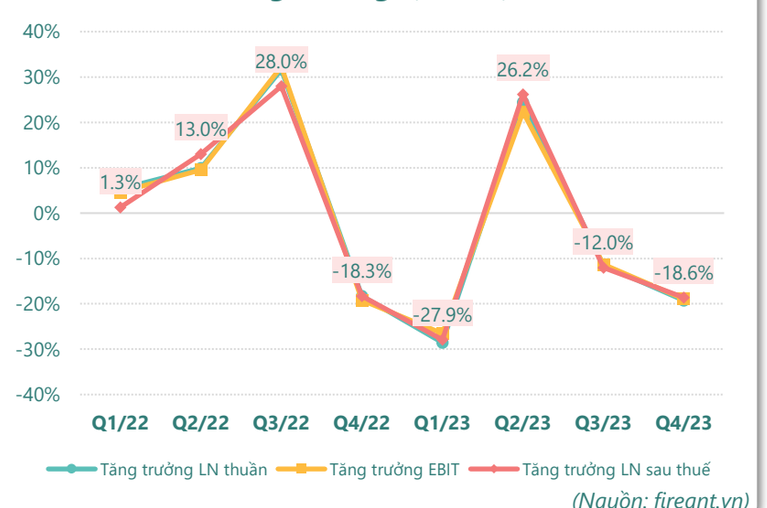
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



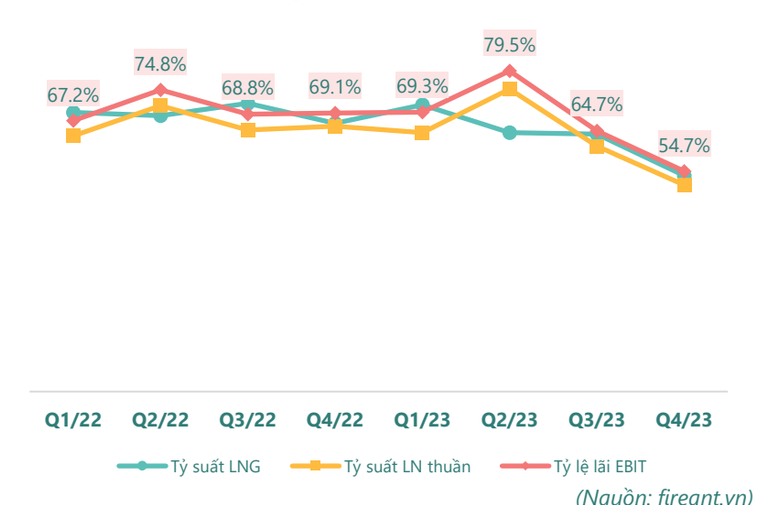
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



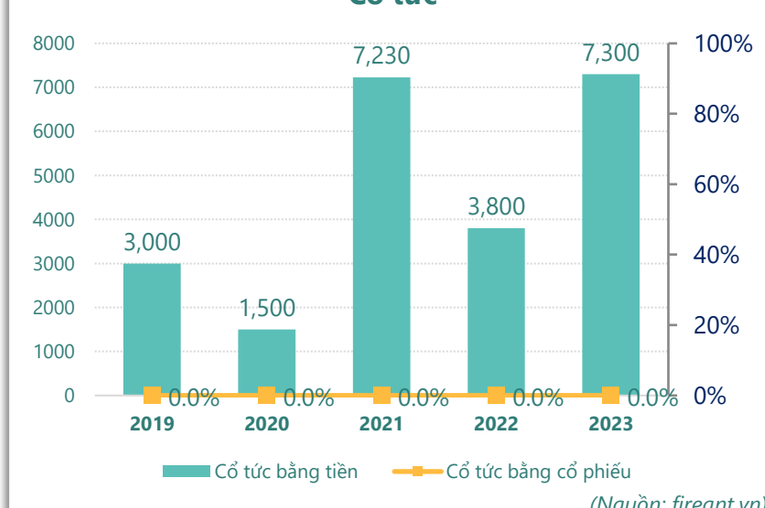
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

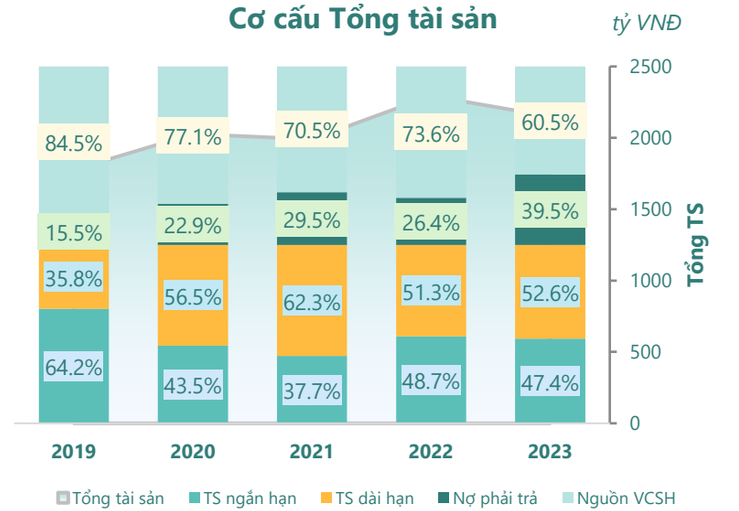
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

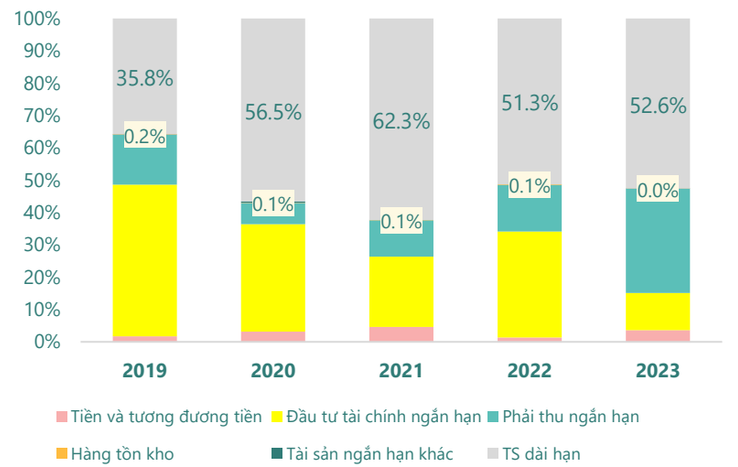
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



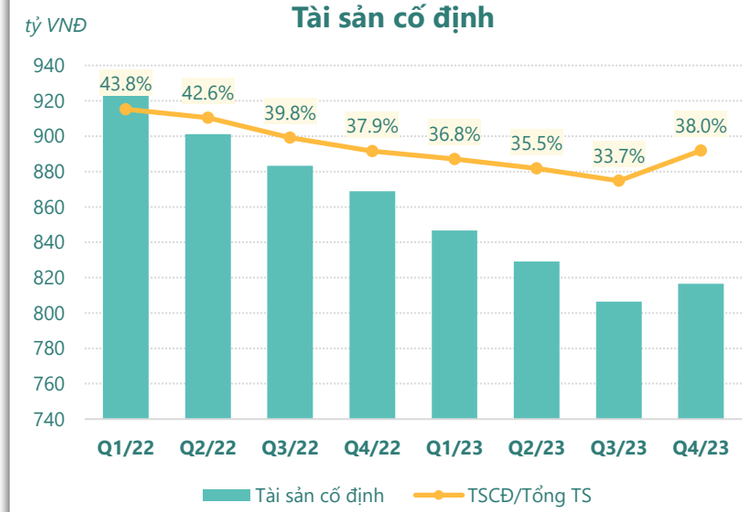
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



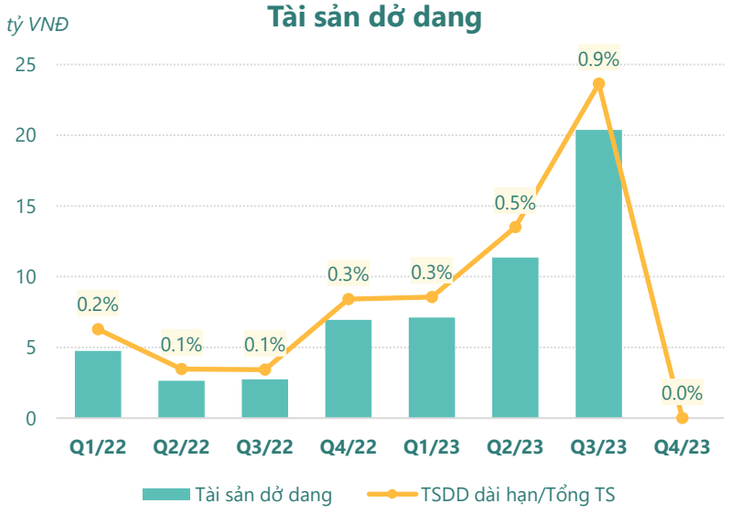
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



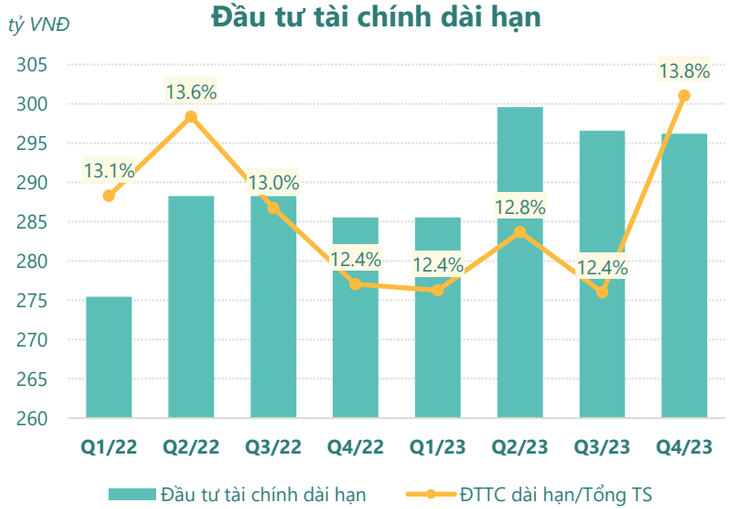
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



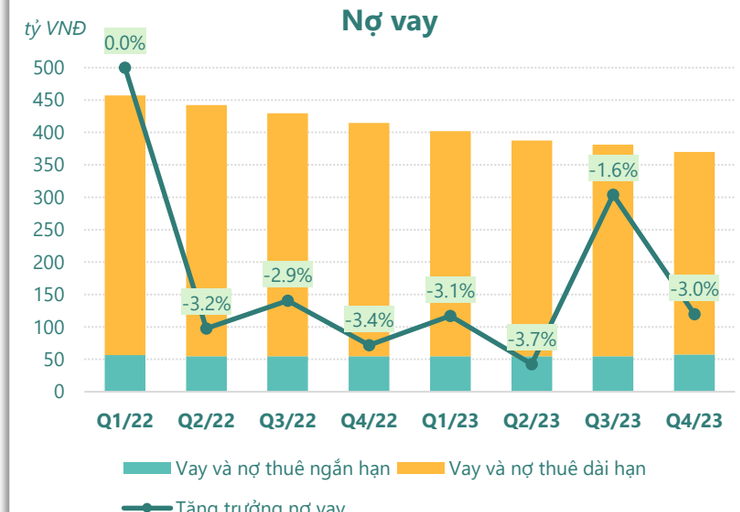
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

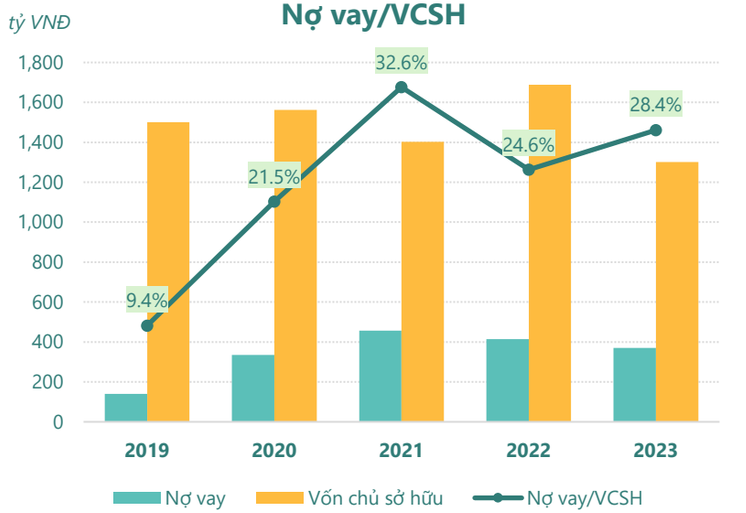
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

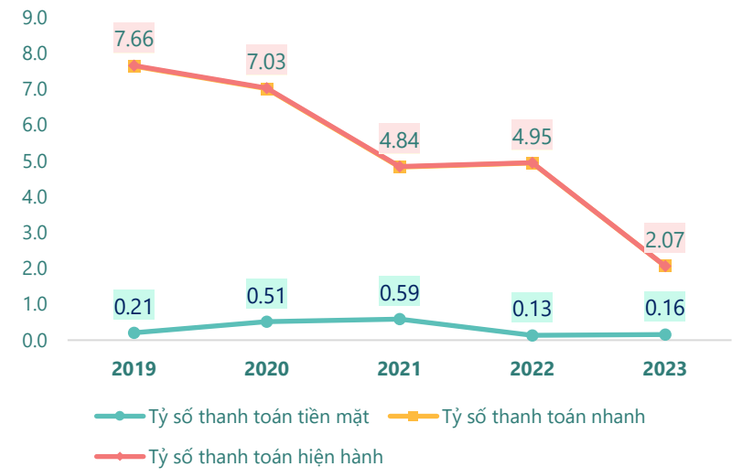
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



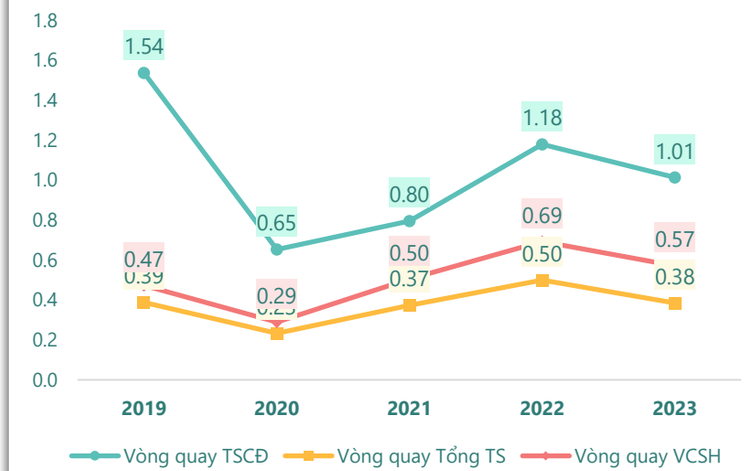
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



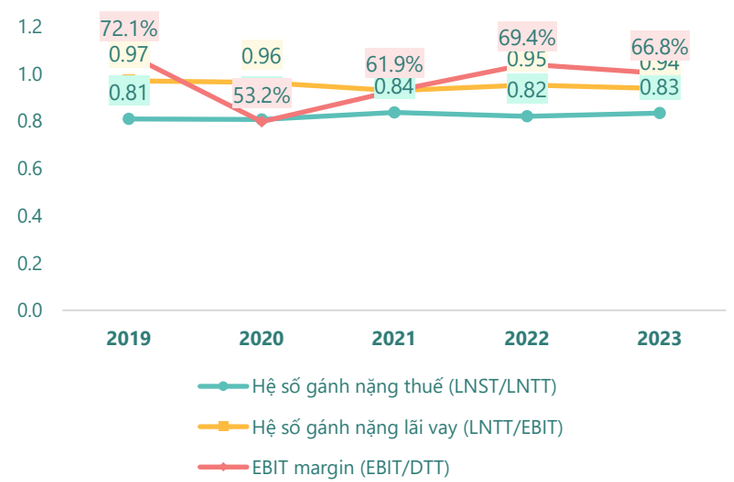
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



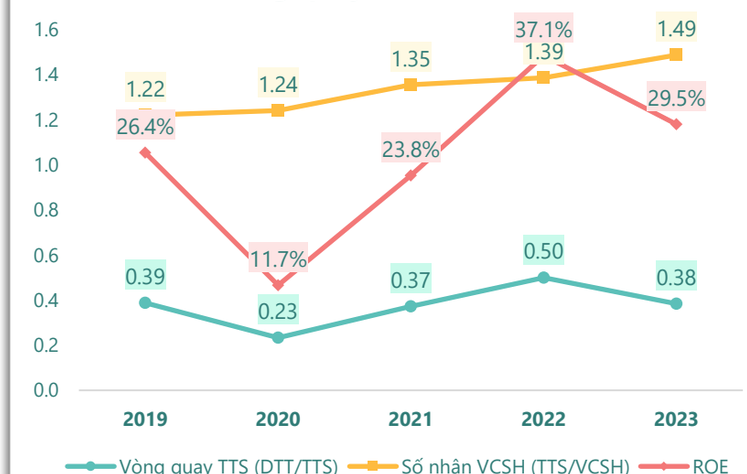
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



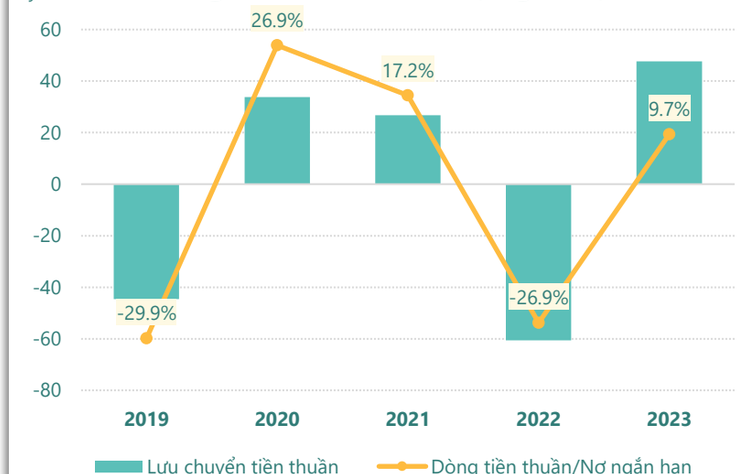
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**219**	**269**	**-18.5%**	**854**	**1,070**	**-20.2%**
Giá vốn hàng bán	102	89.8	13.4%	316	334	-5.3%
Lợi nhuận gộp	117	179	-34.4%	538	736	-27.0%
Doanh thu HĐTC	28.0	14.9	88.2%	87.3	50.0	74.6%
Chi phí TC	7.43	8.68	-14.4%	35.2	35.2	-0.2%
Chi phí lãi vay	7.43	8.68	-14.4%	35.2	35.2	-0.2%
LN trong công ty LKLD	**9.61**	**7.27**	**32.2%**	**20.7**	**20.1**	**2.9%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**35.3**	**15.4**	**130%**	**75.5**	**68.3**	**10.5%**
LN thuần từ HĐKD	112	177	-36.6%	535	703	-23.9%
Lợi nhuận khác	**0.09**	**0.00**		**0.37**	**4.63**	**-92.0%**
LN trước thuế	112	177	-36.5%	535	707	-24.3%
Lợi nhuận sau thuế	**94.3**	**145**	**-35.0%**	**446**	**580**	**-23.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**92.3**	**143**	**-35.4%**	**441**	**573**	**-23.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	174	228	-71.8	19.9	76.7	28.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-115	-217	107	245	54.2	150
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-113	-70.5	-13.1	-101	-80.6	-367
Tiền đầu kỳ	145	90.3	30.4	52.3	216	267
Lưu chuyển tiền thuần	**-54.5**	**-59.9**	**21.9**	**164**	**50.3**	**-189**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	90.3	30.4	52.3	216	267	78.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**2,150**	**2,294**	**-6.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,020	1,118	-8.7%
Tiền và tương đương tiền	78.1	30.4	157%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	247	752	-67.2%
Phải thu ngắn hạn	693	332	109%
Hàng tồn kho	0.73	2.65	-72.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.61	0.97	65.5%
Tài sản dài hạn	**1,130**	**1,177**	**-4.0%**
Phải thu dài hạn	0.85	0.85	0.0%
Tài sản cố định	817	869	-6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	6.94	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	296	286	3.7%
Tài sản dài hạn khác	**16.0**	**14.6**	**9.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	849	606	39.9%
Nợ ngắn hạn	**493**	**226**	**119%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.4	54.9	4.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.2	39.6	-26.2%
Nợ dài hạn	355	381	-6.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	312	360	-13.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,301**	**1,688**	**-22.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,301**	**1,688**	**-22.9%**
Vốn điều lệ	700	700	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)